

Ngày 9/7/2023.

**CHÚA NHẬT XIV THƯỜNG NIÊN Năm A**

**Dc 9,9-10 - Rm 8,9.11-13 - Mt 11,25-30**

<sup>29</sup> “Anh em hãy mang lấy ách của tôi và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng. <sup>30</sup> Vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng.” (Mt 11,29-30)

### **Bài Suy Gẫm số 65 Điểm 2: Đức Ái Thì Hiền Lành.**

“Đức ái thì hiền lành” (1Cr 13,4). Đây là đức tính thứ hai mà thánh Phaolô gán cho đức mến. Thật vậy, chúng ta không tỏ bày tình mến và sự hiệp nhất bằng cách la mắng, lảm bảm, phàn nàn lớn tiếng, và cãi cọ với nhau, nhưng bằng lời nói nhã nhặn dịu dàng, thậm chí bằng cách tự hạ trước mặt anh em mình, vì theo lời Nhà Hiền Triết, “*Câu đáp dịu dàng khiến cơn giận tiêu tan, lời nói khiêu khích làm nổi cơn thịnh nộ*” (Cn 15,1). Vì thế mà Chúa Giê-su, trong bài giảng trên núi, đã nói với các Tông đồ: “*Phúc thay ai hiền lành vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp*” (Mt 5,4) – nghĩa là họ thu phục được mọi người –; vì kẻ nào thu phục được trái tim của mọi người, thì làm chủ cả thế giới. Đó là điều mà những người có bản chất tự nhiên hiền hậu và ôn hòa đạt được rất dễ dàng: những kẻ hiền hậu cảm hóa lòng người đối thoại, hoặc người giao dịch với họ, một cách thâm sâu đến nỗi họ thu phục nhân tâm và đạt được mọi điều họ mong muốn, một cách từ từ khó nhận thấy. Chúng ta thủ đắc nhân tâm như vậy đó, và khiến họ làm mọi thứ chúng ta muốn; cũng vì thế mà những người có tính tốt này, hoặc bẩm sinh, hoặc đã tích luyện nhờ ơn Thiên Chúa trợ giúp, đã làm chủ kẻ khác và sai khiến họ theo sở thích.

Ôi! Học kỹ và thực hành tốt bài học này do Thiên Chúa dạy, thật là lợi hại vô cùng: “*Hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường*” (Mt 11,29). Nhưng đó không phải là lợi ích duy nhất mà chúng ta có được nhờ sự hiền lành; cái chính là, nhờ nó, chúng ta dễ dàng tập tành những nhân đức cao vời hơn; nhờ nó, chúng ta kềm chế không để cho đam mê của mình được tự do; nhờ nó, chúng ta hoàn thành trọn vẹn công cuộc hiệp nhất trong cộng đoàn. Vậy Anh (Chị) Em hãy luôn luôn dùng giọng hiền hòa để nói chuyện với các đồng sự, và khi Anh (Chị) Em sợ phải nói với một giọng khác, thì hãy nín thinh.

#### **065 2 1 2e Point.**

*La charité est douce* (1 Co 13, 4); c’est la seconde qualité que saint Paul donne à la charité. En effet, ce n’est pas en grondant, en murmurant, en se plaignant hautement, et en querellant, qu’on témoigne de l’amour et de l’union: c’est en se parlant d’une manière douce et affable, c’est en s’humiliant même au-dessous de ses Frères; *car la parole douce, dit le Sage, rompt le cours de la colère, mais la parole dure excite la fureur* (Pr 15, 1). C’est pourquoi Notre-Seigneur, dans son sermon sur la montagne, dit à ses apôtres: *Bienheureux ceux qui ont la douceur en partage, parce qu’ils posséderont la terre*

#### **65.2 Second Point.**

Charity is kind (1 Cor 13:4); this is the second characteristic given to charity by Saint Paul. Indeed, it is not by scolding, murmuring, complaining aloud, or quarreling that we show our love and union. It is by speaking in a kind and affable way, in humbling ourselves before our Brothers; A kind word, says the Wise Man, turns away wrath, while a harsh reply stirs up fury (Prv 15:1).

For this reason Our Lord in the Sermon on the Mount said to his apostles: Blessed are those who show kindness toward others, for they shall possess the land (Mt 5:4). This

(Mt 5, 4), c'est-à-dire tout le monde; car ceux-là possèdent tout le monde, qui possèdent les coeurs de tous les hommes. C'est à quoi les personnes d'un naturel doux et modéré réussissent aisément: elles s'insinuent tellement dans le coeur de ceux avec qui ils conversent, et à qui ils ont affaire, qu'ils les gagnent insensiblement, et obtiennent d'eux tout ce qu'ils souhaitent. C'est ainsi qu'on possède les coeurs, et qu'on leur fait faire tout ce qu'on veut; c'est ainsi que ceux qui sont nés avec cette heureuse disposition, ou qui l'ont acquise avec le secours de la grâce, se rendent comme les maîtres des autres, et les tournent comme il leur plaît.

065 2 2

Ah! que c'est un grand avantage que de bien apprendre et de bien pratiquer cette leçon de Notre-Seigneur: *Apprenez de moi*, dit-il, *que je suis doux et humble de coeur* (Mt 11, 29)! Mais ce n'est pas la seule utilité qu'on se procure par la douceur; le principal est que, par elle, on acquiert facilement les plus sublimes vertus; c'est par elle qu'on retient ses passions et qu'on les empêche de s'échapper; c'est par elle qu'on vient à bout de conserver l'union avec ses Frères. Ne leur parlez jamais qu'avec douceur, et taisez-vous quand vous craignez de parler autrement.

means the whole earth, because those who possess the hearts of others do possess the whole earth, which is what persons whose temperament is kind and moderate easily achieve. They gain entry so well into the hearts of those with whom they speak and relate that they win them over little by little and obtain from them whatever they desire. That is how we gain possession of hearts and get them to do whatever we wish. In this way those who were born with this fortunate disposition or have acquired it with the help of grace, make themselves, as it were, masters of others, and turn them whichever way they like.

Ah! what a great advantage it is to learn well and to practice well this lesson given us by Our Lord: Learn of me, for I am kind and humble of heart (Mt 11:29).

However, this is not the only benefit we can derive from kindness. The main one is that through it we can acquire the most exalted virtues. By it we restrain our passions and prevent them from breaking out of our control; by it we will in the end succeed in preserving union with our Brothers.

Never speak to anyone except with kindness, and if you fear to speak otherwise, keep silent.

**Ngày 10/7/2023.**

**Thứ Hai sau Chúa Nhật XIV Thường Niên**

**St 28,10-22a - Mt 9,18-26**

<sup>23</sup> Đức Giê-su đến nhà viên thủ lãnh; thấy phường kèn và đám đông ồn ào. Người nói: <sup>24</sup> “Lui ra! Con bé có chết đâu, nó ngủ đấy!” Nhưng họ chế nhạo Người. (Mt 9,23-24)

**Bài Suy Gẫm số 76. Điểm 1: Những Kẻ Còn Giữ Đầu Óc Của Thế Gian Thì Chưa Chết Về Xác Thịt.**

Chúa Giê-su vào nhà một ông trưởng hội đường để làm cho con ông sống lại; Người đã truyền cho những người tụ tập tại đó ra ngoài, nói rằng: “*Con bé có chết đâu, nó ngủ đấy!*” (Mt 9,24). Người ta cũng có thể nói như vậy về những người đã từ bỏ thế gian và đi vào sống trong cộng

đoàn tu trì, rằng họ chưa chết, mà chỉ ngủ thôi; vì quả thật, họ đã rời bỏ thế gian, nhưng lại không từ bỏ hoàn toàn: cách hành xử của họ cho thấy khá rõ điều đó.

Trước tiên, xác thịt của họ chưa chết. Đúng là một vài người, khi ở nhà, thì có vẻ mặc niệm trước mặt các Bề trên, trước các anh em khác trong các giờ kinh; nhưng khi ra ngoài phố, họ phải thấy hết mọi chuyện xảy ra tại đó. Người khác có vẻ giữ gìn ý tứ hơn, nhưng có điều gì lạ thường xảy đến, họ mở mắt thao láo nhìn; trong những chuyến đi, nếu cần, họ rẽ sang lối khác để thỏa mãn óc tò mò và xem những điều lạ trên đường, như những ngôi thánh đường nguy nga, những ngôi nhà tráng lệ, những khu vườn bắt mắt. Người khác có vẻ hãm mình trong ăn uống, họ vô tư ăn tất cả những gì người ta dọn ra mà không hề than phiền điều chi; nhưng trong lúc du hành, họ tìm ăn những thứ ngon nhất; và nếu họ bị ốm, rất khó mà làm cho họ hài lòng. Nơi các tu sĩ ấy, nhục dục chưa chết, nó chỉ thiếp đi thôi; vì thế mà nó hồi tỉnh lại rất dễ dàng.

Anh (Chị) Em đừng làm như những người Do Thái: sau khi thoát cảnh nô lệ, nhờ sự can thiệp đặc biệt của Thiên Chúa, họ đã không còn nhớ đến những nỗi cơ cực họ đã chịu, mà lại tiếc nuối những hành tởi của Ai Cập (Ds 11,5).

#### 076 1 1 1er Point.

Jésus étant entré dans la maison d'un chef de la synagogue pour ressusciter sa fille, fit retirer une troupe de gens qui y étaient, en disant *qu'elle n'était pas morte, mais qu'elle dormait* (Mt 9, 24). On peut dire de même de plusieurs qui ont quitté le monde et qui sont entrés en communauté, qu'ils ne sont pas morts, mais seulement qu'ils dorment, parce qu'en effet ils ont quitté le monde, mais qu'ils n'y ont pas tout à fait renoncé: ce qu'ils font assez paraître par leur conduite.

#### 076 1 2

Premièrement, leurs sens ne sont pas morts. Il est bien vrai que quelques-uns paraissent recueillis devant leurs Supérieurs; d'autres quand ils sont avec leurs Frères, dans leurs maisons, et dans les exercices de piété; mais s'ils sont dans les rues, il faut qu'ils voient tout ce qui s'y passe. D'autres paraissent plus retenus; mais arrive-t-il quelque chose d'extraordinaire, ils ouvrent les yeux pour le voir; ou s'ils vont en campagne ils se détournent de leur chemin, s'il est besoin, pour contenter leur curiosité et voir ce qui se trouve de curieux dans leur passage, comme de belles églises, de belles maisons et de beaux jardins.

D'autres paraissent bien mortifiés dans le manger, ils mangent indifféremment tout ce

#### 76.1 First Point.

When Jesus entered the house of a chief of the synagogue to raise his daughter to life, he made a crowd of the people get out, saying that the girl was not dead, but asleep (Mt 9:24). In like manner it can be said of several persons who have left the world and entered a community that they are not dead, but are only sleeping, because in fact, they have left the world, but they have not completely renounced it. This they show clearly enough by their conduct.

In the first place their senses are not dead. True, some appear recollected when in the presence of their superiors, others when they are with their Brothers in the house and during the exercises of piety, but if they go out into the streets, they have to see everything that goes on.

Others appear to be more restrained, but if something extraordinary happens, they open their eyes to see, or if they travel in the country, they turn aside from their route, if this is needed to satisfy their curiosity and to see things of interest on the way, such as beautiful churches, beautiful houses, beautiful gardens.

Others seem to be quite mortified in eating and drinking; they eat whatever is given them

qu'on leur donne, sans se plaindre de rien; mais s'ils vont en campagne, ils font en sorte de manger tout ce qu'il y a de meilleur; et s'ils sont malades, on a bien de la peine à les contenter. Les sens de ceux-là ne sont pas morts, ils ne sont qu'assoupis; c'est pourquoi ils se réveillent bien facilement. *Ne faites pas comme les Israélites qui, étant sortis d'Égypte par une faveur singulière de Dieu, ne pensaient plus au mal qu'ils avaient eu et regrettaient les oignons d'Égypte* (Nb 11, 5).

with great indifference, without complaining in any way, but when travelling they manage to eat all the best food available. If they are ill, it is very difficult to please them. Their senses are not dead, but only sleeping, and that is why they are readily awakened.

Do not behave like the Israelites who, having left Egypt by God's special protection, no longer remembered the sufferings they endured there, and longed for the onions of Egypt (Nm 11:5).

**Ngày 11/7/2023.**

**Thánh Bênêđictô (Biển Đức), Viện Phụ**

**Cn 2,1-9 - Mt 19,27-29**

<sup>29</sup> “Và phàm ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, con cái hay ruộng đất, vì danh Thầy, thì sẽ được gấp bội và còn được sự sống vĩnh cửu làm gia nghiệp.” (Mt 19,29)

### **Bài Suy Gẫm số 111. Điểm 1: Thánh Bênêđictô Lui Vào Nơi Thanh Vắng.**

Đang theo học ở Rôma, thánh Biển Đức đã rời bỏ thành phố để khỏi bị gương xấu của các bạn học lôi kéo; ngài lui vào nơi thanh vắng thê lương, để liên tục sống cuộc đời nguyện gẫm rất kham khổ; bằng cách đó, ngài chuẩn bị trở thành viện phụ của rất nhiều tu sĩ; ngài soạn cho họ một bộ Luật rất khôn ngoan, để khích lệ lối sống ẩn dật và dẫn đến bậc cao của sự trọn lành. Chính nhờ bộ Luật này, cùng sự lãnh đạo chặt chẽ và ráo riết, mà ngài đã lôi kéo rất đông linh hồn đến với Thiên Chúa, bằng cách làm cho họ xa lánh thế gian và mọi giao tiếp, để có điều kiện chỉ trò chuyện với Thiên Chúa mà thôi. Quả thế, đó chính là một trong những mối lợi lớn nhất mà người ta có thể có ở đời này, và cũng là một trong những phương thế chính mà chúng ta có thể vận dụng để hiển mình cho Thiên Chúa.

Anh (Chị) Em càng giữ đúng luật Dòng bao nhiêu, thì Anh (Chị) Em càng đạt đến sự trọn lành trong ơn gọi của Anh (Chị) Em bấy nhiêu; Anh (Chị) Em càng ít giao tiếp với tha nhân bao nhiêu, thì Thiên Chúa càng liên lạc với Anh (Chị) Em bấy nhiêu.

#### **111 1 1 1er Point.**

Saint Benoît, étudiant à Rome, pour ne pas suivre le mauvais exemple de ses compagnons d'études, en sortit et se retira dans une affreuse solitude, où il vécut dans l'exercice d'une oraison continuelle, dans de très grandes austérités; et par là se disposa à devenir le père d'un très grand nombre de religieux, auxquels il a donné une Règle très sage, qui porte beaucoup à la retraite et qui

#### **111.1 First Point.**

When Saint Benedict was a student in Rome he left the city in order to avoid the bad example of his fellow students, and withdrew to a very wild solitude where he practiced continual prayer and very great austerity. By doing this he prepared himself to become the father of a great number of religious, to whom he gave a very wise rule that insists a great deal on seclusion, and leads a person to

conduit à une grande perfection. C'a été par cette sainte Règle, et par une conduite très exacte et très régulière, qu'il a attiré un grand nombre d'âmes à Dieu, en les éloignant du monde, et de toute conversation, pour les mettre en état de ne converser qu'avec Dieu.

111 1 2

C'est en effet un des plus grands avantages qu'on puisse posséder en cette vie, et un des principaux moyens dont on puisse se servir pour se donner à Dieu. Plus vous serez réguliers, et plus vous acquerez la perfection de votre état; moins communiquerez-vous avec les hommes, plus Dieu se communiquera-t-il à vous.

great perfection. It was by this holy rule and by his very exact and very regular guidance that he drew a great number of souls to God, separating them from the world and from all human conversation so that they might be in a position to converse with God alone.

This is indeed one of the greatest advantages you can possess in this life and one of the main means you can use to give yourself to God. The more regular you are, the more you will acquire the perfection of your state; the less you communicate with people, the more God will communicate himself to you.

**Ngày 12/7/2023.**

**Thứ Tư sau Chúa Nhật XIV Thường Niên**

**St 41,55-57; 42,5-7.17-24a - Mt 10,1-7**

<sup>1</sup> Khi ấy, Chúa Giê-su gọi mười hai môn đệ lại, để ban cho các ông quyền trên các thần ô uế, để các ông trừ chúng và chữa hết các bệnh hoạn tật nguyền. (Mt 10,1)

**Bài Suy Gẫm số 200. Điểm 2: Người Thầy Phải Khuyến Khích Học Trò Có Bồn Phận Giữ Đạo Cho Tốt.**

Thật chẳng ích lợi bao nhiêu, nếu các thánh Tông đồ dạy cho các Ki-tô hữu tiên khởi biết các chân lý thiết yếu của đạo chúng ta, mà không tập họ hành xử như một Ki-tô hữu, cho phù hợp với nếp sống các ngài đã sống cùng với Chúa Giê-su Ki-tô. Thế nên các ngài không chỉ dạy cho họ những điều trừu tượng, nhưng còn khéo léo hướng họ đến cách thực hành; và Thiên Chúa đã chúc lành sự cố gắng miệt mài của các ngài, đến độ sách 'Công Vụ' kể rằng, những người đầu tiên đón nhận đức tin đã "*chuyên cần nghe các Tông đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng...*" và "*họ đồng tâm nhất trí, ngày ngày chuyên cần đến Đền Thờ*" (Cv 2,42.46). Nghĩa là sau khi chịu phép rửa tội, họ đã sống phù hợp với giáo huấn của các Tông đồ.

Thánh Phaolô, sau cuộc hoán cải, cũng làm như thế; vì sách nói rằng, sau khi ngài dạy dân thành Êphêsô, tại hội đường người Do Thái, trong ba tháng, "*ngày ngày ngài thảo luận trong trường học của ông Tyran. Cứ như thế trong vòng hai năm, khiến mọi người ở Asia... đều được nghe lời Chúa*" (Cv 19,9.10); và "*họ chịu phép rửa nhân danh Chúa Giê-su. Và khi ông Phaolô đặt tay trên họ, thì Thánh Thần ngự xuống trên họ...*" (Cv 19,5.6). Như vậy, sau khi giảng dạy cho các tín hữu tiên khởi, điều mà các thánh Tông đồ quan tâm nhất là tập họ lại để cầu nguyện chung, cho họ lãnh nhận các bí tích, và giúp họ sống theo tinh thần đạo Ki-tô.

Đó là những yêu cầu Anh (Chị) Em phải ưu tiên thực hiện, khi triển khai công tác. Theo gương các Tông đồ, Anh (Chị) Em phải đặc biệt lo cho các học trò của mình lãnh nhận các bí tích, tạo

điều kiện để chúng lãnh Phép Thêm Sức, gọi cho chúng tâm tình muốn được đầy tràn Chúa Thánh Linh và những ơn của bí tích này. Anh (Chị) Em phải lưu tâm lo cho chúng năng đến với bí tích Hòa Giải, sau khi đã chỉ cho chúng cách xưng tội cho nên; và cuối cùng, phải chuẩn bị cho chúng Rước Lễ lần đầu một cách thánh thiện, và sau đó thường đi rước lễ, hầu chúng có thể giữ gìn các ân sủng đã nhận lần đầu trong nghi thức quan trọng đó. Ôi! Nếu Anh (Chị) Em hình dung được mỗi lợi lớn khi giúp các học sinh siêng năng lãnh nhận các bí tích, hầu bảo toàn và gia tăng ân sủng, chắc Anh (Chị) Em sẽ không bao giờ cảm thấy mệt mỏi trong việc dạy dỗ chúng!

**200 2 1 2e Point. – Un maître chrétien doit faire accomplir les devoirs de la Religion.**

Il aurait été peu utile que les saints apôtres eussent instruit les premiers fidèles des vérités essentielles de notre religion, s'ils ne leur avaient fait prendre une conduite chrétienne et conforme à celle qu'ils avaient eue avec Jésus-Christ; aussi ne se contentaient-ils pas de leur apprendre les choses spéculatives, mais ils avaient un soin merveilleux de les faire entrer dans la pratique; et Dieu bénissait tellement leurs soins, qu'il est dit que ceux qui reçurent les premiers la foi, persévéraient dans la doctrine des apôtres, dans la communion de la fraction du pain et dans les prières, qu'ils continuaient d'aller tous les jours au Temple dans l'union d'un même esprit (Ac 2, 41-45), c'est-à-dire qu'après avoir été baptisés, ils vivaient conformément à la doctrine des apôtres.

Saint Paul ayant été converti, fit la même chose; car il est dit de lui qu'ayant instruit le peuple d'Éphèse *pendant trois mois dans la synagogue des Juifs, il enseigna ensuite tous les jours dans l'école d'un nommé Tiran et qu'il continua cet exercice pendant deux ans* (Ac 19, 8-10), *de sorte que les disciples de cette ville furent baptisés au nom du Seigneur, et que leur ayant imposé les mains, ils reçurent le Saint-Esprit* (Ac 19, 5-6). Ainsi le principal soin qu'avaient les apôtres après avoir instruit les premiers fidèles était de leur faire recevoir les sacrements, de les faire assembler pour prier ensemble, et de les faire vivre selon l'esprit du christianisme.

200 2 2

C'est à quoi vous êtes obligés sur toutes choses dans votre emploi; il faut, à l'imitation

**200.2 Second Point.**

It would have been of little use if the holy apostles had instructed the first Christians in the essential truths of our religion, if they did not lead them to live the Christian way of life and conform to what they themselves had lived with Jesus Christ. The apostles were not satisfied with teaching doctrine, but they had a marvelous care to bring the first Christians to practice their religion.

God blessed their care in such a way that it is said that those who first received the faith persevered in the teaching of the apostles, in the communion of the breaking of bread, and in prayers, and they continued to go to the temple everyday united in the same spirit (Acts 2;41-45). In other words, after they were baptized they were living in harmony with the teaching of the apostles.

Following his conversion Saint Paul did the same, for it is said of him that after instructing the people of Ephesus *for three months in the Jewish synagogue, he then taught every day in the school of a man named Tyrannus, and continued this practice for two years* (Acts 19:8-10), *with the result that the disciples of that city were baptized in the name of the Lord and received the Holy Spirit through the laying on of hands* (Acts 19:5-6).

The chief care, then, of the apostles, after instructing the first faithful, was to have them receive the sacraments, assemble for prayer together, and live according to the Christian spirit.

Above everything else, this is what you are obliged to do in your work. In imitation of

des apôtres, que vous ayez une attention toute particulière à faire recevoir les sacrements à ceux que vous instruisez, et les mettre en état de recevoir celui de la confirmation avec les dispositions convenables, pour être remplis du Saint-Esprit, et des grâces que produit ce sacrement; vous devez veiller à ce qu'ils se confessent souvent, après leur avoir appris la manière de le bien faire; et enfin les disposer à faire saintement leur première communion, et à communier ensuite fréquemment, afin qu'ils puissent conserver les grâces qu'ils auront reçues, la première fois qu'ils auront fait cette action.

Oh! si vous conceviez les grands biens que vous leur ferez, en leur procurant la conservation et l'augmentation de la grâce par le fréquent usage des sacrements, vous ne vous lasseriez jamais de les en instruire.

the apostles you must give an altogether special care that those whom you instruct receive the sacraments, in particular, that they are made ready to receive Confirmation with the proper dispositions in order to be filled with the Holy Spirit and the graces which this sacrament produces. You must see to it that they go to confession often after learning how to do this well. You must dispose them to receive their first Communion with holy dispositions and to receive Communion frequently thereafter in order to be able to preserve the grace they received the first time they performed this action.

Oh! if you knew the great good that you do for them by procuring the preservation and increase of grace by their frequent use of the sacraments, you would never let up instructing them about this!

**Ngày 13/7/2023.**

**Thứ Năm sau Chúa Nhật XIV Thường Niên**

**St 44,18-21.23b-29; 45,1-5 - Mt 10,6-15**

<sup>8</sup> “Anh em hãy chữa lành người đau yếu, làm cho kẻ chết trỗi dậy, cho người mắc bệnh phong được sạch, và khử trừ ma quỷ. Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy.” (Mt 10,8)

### **Bài Suy Gẫm số 200. Điểm 3: Người Thầy Phải Khuyến Khích Học Trò Sống Nhân Đức Và Làm Việc Lành.**

Thánh Giacôbê nói: “Ai bảo rằng mình có đức tin mà không hành động theo đức tin, thì nào có ích lợi gì? Đức tin có thể cứu người ấy được chăng?” (Gc 2,14) Vâng, Anh (Chị) Em được ích lợi gì nếu dạy học sinh các chân lý đức tin, mà không dạy chúng làm các việc lành, vì “đức tin không có hành động là đức tin chết” (Gc 2,26). Vâng, nếu Anh (Chị) Em không làm cho chúng nắm được các nhân đức chính yếu của đạo Ki-tô, nếu Anh (Chị) Em không đặc biệt chú tâm giúp chúng thực hành, cũng như làm tất cả các điều tốt lành chúng có thể làm theo lứa tuổi, thì bài chúng đã học về các mầu nhiệm và chân lý của đạo thánh chúng ta, hóa ra còn thiếu sót; bởi cho dù đức tin của chúng có sống động đến đâu, nhưng nếu chúng không bền tâm làm việc lành, thì đức tin ấy chẳng có ích gì cho chúng cả.

Trên hết, Anh (Chị) Em phải dạy cho học trò câu châm ngôn trên, nếu Anh (Chị) Em muốn chúng đi trên con đường dẫn tới Thiên Đàng, ngõ hầu sau này Anh (Chị) Em có thể nói với chúng: “Anh em đã chứng tỏ mình vô can trong vụ này... Đó là điều an ủi chúng tôi” (2Cr 7,11.13). Hãy gọi lên trong học sinh lòng sùng đạo và tính nhu mì khi ở nhà thờ, cũng như trong

các giờ kinh ở trường học. Hãy gieo thêm vào lòng chúng tính dung dị và sự khiêm nhường, mà Đức Chúa chúng ta đã đặc biệt khuyên bảo trong Tin Mừng; Anh (Chị) Em đừng quên luyện tập cho chúng tính hiền từ, nhẫn nại, hiếu thảo với cha mẹ, và cuối cùng là tất cả những đức tính hợp với con trẻ có đạo, và tất cả những gì đạo chúng ta yêu cầu chúng phải có.

**200 3 1 3e Point. – Un maître chrétien doit faire pratiquer les vertus et les bonnes œuvres.**

*Si quelqu'un dit qu'il a la foi et qu'il n'ait pas les oeuvres, de quoi lui servira sa foi, pourra-telle le sauver (Jc 2, 14)?* dit saint Jacques. Que vous servirait-il donc d'enseigner à vos disciples les vérités de la foi, si vous ne leur apprenez à faire de bonnes oeuvres? Puisque la foi qui n'est pas accompagnée des oeuvres est morte (Jc 2, 26), il ne vous suffirait donc pas de les avoir instruits des mystères et des vérités de notre sainte religion, si vous ne leur faisiez connaître quelles sont les principales vertus chrétiennes, et si vous ne preniez un soin tout particulier de les leur faire pratiquer, aussi bien que toutes les bonnes oeuvres dont ils sont capables selon leur âge, puisque quelque foi qu'ils aient, et quelque vive qu'elle soit, s'ils ne s'attachent point à la pratique des bonnes oeuvres, leur foi ne leur servirait de rien.

200 3 2

Vous devez surtout enseigner cette maxime à ceux que vous instruisez, si vous voulez les mettre dans le chemin du Ciel, afin que vous leur puissiez dire ensuite: *Vous vous êtes conduits d'une manière irrépréhensible et c'est ce qui nous a donné de la consolation* (2 Co 7, 11-13). Inspirez-leur aussi *de la piété et de la modestie* (1 Tm 6, 11) dans l'Église et dans les exercices de piété que vous leur faites faire dans les écoles; insinuez-leur encore *la simplicité et l'humilité* (Mt 11, 29) que Notre-Seigneur recommande si fort dans l'Évangile. N'oubliez pas de leur faire acquérir *la douceur et la patience* (Col 3, 12), *l'amour et le respect pour leurs parents* (Ep 6, 2) et enfin tout ce qu'il convient à un enfant chrétien et tout ce que notre religion exige d'eux.

**200.3 Third Point.**

Saint James says, If someone says that he has the faith and that he does not have the works, of what use to him is his faith; can it save him? (Jas 2:14) What would it benefit you, then, to teach your disciples the truths of the faith, if you do not teach them to practice good works? For faith that is not accompanied by works is dead (Jas 2:26).

It will not, then, be enough for you to have instructed your disciples about the mysteries and the truths of our holy religion, if you have not helped them learn the chief Christian virtues, and if you have not taken an altogether special care to help them put these virtues into practice, as well as all the good of which they are capable at their age. For no matter how much faith they may have, nor how lively it may be, if they do not commit themselves to practice good works, their faith will be of no use to them.

You must especially teach this maxim to those whom you instruct if you want to put them on the road to heaven, so that you are able to say to them, you have acted in a way that is beyond reproach and it is this that has given consolation to us (2 Cor 7;11-13).

Inspire them also with piety and self-control (1 Tim 6:11) in church and in the exercises of piety you have them perform in the schools. Instill in them the innocence and humility (Mt 11:29) that Our Lord recommends so strongly in the Gospel. Do not forget to help them acquire gentleness, patience, (Col 3:12) love and respect for their parents, (Eph 6:2) and all the conduct that is proper to a Christian child, in a word, all that our religion demands of them.



**Ngày 14/7/2023.**

**Thứ Sáu sau Chúa Nhật XIV Thường Niên**

**St 46,1-7.28-30 - Mt 10,16-23**

<sup>22</sup> Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét. Nhưng kẻ nào bền chí đến cùng, kẻ ấy sẽ được cứu thoát. (Mt 10,22)

### **Bài Suy Gẫm số 201. Điểm 1: Người Thầy Nhận Sứ Vụ Từ Thiên Chúa.**

Anh (Chị) Em hãy suy nghĩ về điều thánh Phaolô nói về Giáo Hội: “*Chính Thiên Chúa đã ban ơn cho kẻ này làm Tông đồ, người nọ làm ngôn sứ, ... kẻ khác nữa làm người coi sóc và dạy dỗ*” (1Cr 12,28), thì Anh (Chị) Em sẽ xác tín rằng, cũng chính Người đã cất đặt Anh (Chị) Em làm trong ngành nghề này. Vị thánh còn cho Anh (Chị) Em một trong các dấu chỉ, đó là: “*Có nhiều việc phục vụ khác nhau, ... có nhiều hoạt động khác nhau, ... và Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung*” (1Cr 12,5.6.7) nghĩa là vì lợi ích cho Giáo Hội; “*người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy, ... Kẻ thì được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho lòng tin...*” (1Cr 12,8.9).

Anh (Chị) Em chớ nghi ngờ đây là món quà trọng đại của Thiên Chúa, là ân sủng do Người ban, khi giao cho Anh (Chị) Em nhiệm vụ dạy con trẻ, loan báo Tin Mừng cho chúng, và giáo dục chúng theo tinh thần của đạo. Nhưng khi kêu gọi Anh (Chị) Em làm thừa tác vụ thánh này, Thiên Chúa đòi hỏi Anh (Chị) Em phải đem lòng nhiệt thành nồng nàn để chu toàn nó, vì phần rỗi của đám trẻ, và bởi vì sứ vụ là “*do Thiên Chúa làm nên*” (Gv 7,14) và “*khốn cho ai lơ là với công việc của Đức Chúa*” (Gr 48,10).

Vậy trong cách ứng xử với trẻ mà mình phụ trách, Anh (Chị) Em hãy tỏ rõ mình là thừa tác viên của Thiên Chúa, hằng thi hành nghiệp vụ với sự yêu thương và lòng nhiệt thành chân chất đích thực, rất nhẫn nại chịu đựng những khổ nhọc đang chực sẵn, vui vẻ chấp nhận bị người đời khinh chê và bách hại, đến độ hy sinh mạng sống mình vì Chúa Giê-su, trong khi thi hành thừa tác vụ. Anh (Chị) Em phải được hun đúc bởi lòng nhiệt thành, mới có thể đặt mình vào tư thế trên đây, ý thức rằng Thiên Chúa đã kêu gọi và cất đặt Anh (Chị) Em cho công việc này, đã “*sai anh em vào vườn nho làm việc*” (Mt 20,2). Vậy, Anh (Chị) Em hãy bắt tay vào việc với tất cả lòng cảm mến, và như thể chỉ làm vì Thiên Chúa mà thôi.

#### **201 1 1 1er Point. – Le maître chrétien a reçu sa mission de Dieu.**

Faites réflexion à ce que dit saint Paul *que c'est Dieu qui a établi dans l'Église des apôtres, des prophètes et des docteurs* (1 Co 12, 28), et vous serez persuadés que c'est lui aussi qui vous a établis dans votre emploi; une des marques que vous en donne le même saint est *qu'il y a divers ministères mais qu'il y a différentes opérations, et que le Saint-Esprit ne se manifeste en chacun de ces dons*

#### **201.1 First Point.**

Reflect on what Saint Paul says, that it is God who has established in the Church apostles, prophets, and teachers, and you will be convinced that he has also established you in your work. The same saint gives you another expression of this when he says *that there are diverse ministries but there are different operations, and the Holy Spirit manifests himself in each of these gifts for the*

*que pour l'utilité commune, c'est-à-dire pour l'utilité de l'Église. Quel'un reçoit par le Saint-Esprit le don de parler avec sagesse; un autre le don de la foi par le même Esprit (1 Co 12, 5-9).*

*Vous ne devez pas douter que ce ne soit un grand don de Dieu, que la grâce qu'il vous fait de vous charger d'instruire les enfants, de leur annoncer l'Évangile, et de les élever dans l'esprit de religion; mais en vous appelant pour ce saint ministère, Dieu exige de vous que vous vous en acquittiez avec un zèle ardent pour leur salut, parce que c'est l'oeuvre de Dieu, et qu'il maudit celui qui fait son oeuvre avec négligence (Jr 48, 10).*

201 1 2

*Faites donc connaître, dans toute votre conduite à l'égard des enfants qui vous sont confiés, que vous vous regardez comme les ministres de Dieu, en l'exerçant avec une charité et un zèle sincère et véritable, supportant avec beaucoup de patience les peines que vous y aurez à souffrir, contents d'être méprisés des hommes, et d'en être persécutés jusqu'à donner votre vie pour Jésus dans l'exercice de votre ministère (2 Co 6 3-9).*

*C'est le zèle dont vous devez être animés qui vous doit mettre dans ces dispositions; dans la vue que c'est Dieu qui vous a appelés et qui vous a destinés à cet emploi, et qui vous a envoyés travailler à sa vigne (Mt 20, 3); faites-le donc de toute l'affection de votre coeur, et comme travaillant que pour lui.*

*common good, that is to say, for the good of the Church. One receives by the Spirit the gift to speak with wisdom, another the gift of faith by the same Spirit.*

*You must not doubt that it is a great gift of God, this grace he has given you to be entrusted with the instruction of children, to announce the Gospel to them and to bring them up in the spirit of religion. But in calling you to this holy ministry, God demands that you fulfill it with an ardent zeal for their salvation, because this is the work of God and he curses the one who does his work carelessly.*

*Let it be clear, then, in all your conduct towards the children who are entrusted to you that you look upon yourselves as ministers of God, carrying out your ministry with love and a sincere and true zeal accepting with much patience the difficulties you have to suffer, willing to be despised by men and to be persecuted, even to give your life for Jesus in the fulfillment of your ministry.*

*The zeal that ought to inspire you is meant to give you these dispositions, recognizing that it is God who has called you, who has destined you for this work, and who has sent you to work in his vineyard. Do this, then, with all the affection of your heart, working entirely for him.*

**Ngày 15/7/2023.**

**Thứ Bảy sau Chúa Nhật XIV Thường Niên**

**St 49,29-32; 50,15-26a - Mt 10,24-33**

**Thánh Bônaventura, Giám Mục, Tiến Sĩ Hội Thánh**

**Bài Suy Gẫm số 142. Điểm 1: Thánh Bônaventura Mến Yêu Đức Khó Nghèo.**

Vị thánh này tha thiết yêu mến đức khó nghèo, đến nỗi để phổ biến tính ưu việt của nó, ngài soạn ra một quyển sách mang tựa đề «Lời biện hộ cho người nghèo». Trong đó, ngài chứng minh rằng sự khó nghèo tự nguyện là nền tảng của sự hoàn thiện Phúc Âm, bởi qua việc từ bỏ

mọi sự và lòng ham muốn tư hữu – tức là tinh thần khó nghèo –, chúng ta cắt đứt và nhổ bỏ, như thánh Phaolô nói, “*cái cội rễ sinh ra mọi điều ác là lòng ham muốn tiền bạc*” (1Tm 6,10). Cho nên thánh Bônaventura nói thêm rằng, khi Chúa Giê-su Ki-tô muốn nâng các môn đệ mình lên bậc hoàn thiện, Người khởi sự cho họ biết cái “*diễm phúc của ai có tâm hồn khó nghèo*” (Mt 5,3); kể đến, Người thúc giục họ thực thi đức khó nghèo, bằng cách nói với họ rằng, “*nếu muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của mình và đem cho người nghèo,...*” (Mt 19,21). Trong sách nói trên, thánh Bônaventura chỉ dạy dỗ những gì mà bản thân ngài đã thực hiện, bởi ngài đã chọn làm tu sĩ của dòng tu nghèo nhất trong Giáo hội.

Chúng ta hãy hòa nhập tâm tình của vị thánh tiên sĩ này và hãy noi gương ngài.

#### 142 1 1 1er Point. – Amour du Saint pour la pauvreté.

Ce saint eut un si grand amour pour la pauvreté, qu’il composa un livre pour faire connaître l’excellence de cette vertu, qu’il nomma l’Apologie des pauvres. Il y montre que la pauvreté volontaire est le fondement de la perfection évangélique, parce que, par le renoncement à toutes choses et au désir d’avoir, ce qui se nomme la pauvreté d’esprit, on coupe et on arrache *la racine de tous les maux, qui est la concupiscence* (1 Tm 6, 10), dit saint Paul.

142 1 2

C’est pourquoi, dit saint Bonaventure, lorsque Jésus-Christ voulut porter ses disciples à la perfection, il commença par leur faire connaître *le bonheur dont jouissent les véritables pauvres d’esprit* (Mt 5, 3), et les excita ensuite à la pratique de la pauvreté, en leur disant que *s’ils voulaient être parfaits, il fallait qu’ils vendissent tout ce qu’ils avaient, et qu’ils le donnassent aux pauvres* (Mt 19, 21). Saint Bonaventure n’a enseigné dans ce livre que ce qu’il a pratiqué lui-même, ayant choisi en se faisant religieux, l’Ordre le plus pauvre de l’Église. Entrons dans les sentiments de ce saint docteur, et imitons ses exemples.

#### 142.1 First Point.

This saint had such a great love for poverty that he wrote a book, which he entitled The Apologia of the Poor, to make known the excellence of this virtue. In it he demonstrates that voluntary poverty is the foundation of Gospel perfection, because by renouncing all things and the desire to have anything, which is called poverty of spirit, we cut off and tear out the root of all evils, which is concupiscence (1 Tim 6:10), as Saint Paul declares.

This is why, says Saint Bonaventure, when Jesus Christ wished to lead his disciples to perfection, he began by making them understand the happiness which the truly poor in spirit enjoyed (Mt 5:3), and then urged them to practice poverty, telling them that if they wished to be perfect, it was necessary for them to sell all that they had and give it to the poor (Mt 19:21). In this book Saint Bonaventure taught only what he himself practiced, for he chose the poorest order in the Church when he became a religious.

Let us enter into the sentiments of this holy doctor and imitate his example.